

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ 01/01/2024 ĐẾN 30/6/2024

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XNK THANH LỄ - CTCP

Đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 5
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	6 – 7
Báo cáo tài chính đã soát xét	
3. Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	8 – 11
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024	12
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024	13 – 14
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024	15 – 72

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP (sau đây viết tắt là “**Tổng Công ty**”) trình bày Báo cáo này cùng các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024 của Tổng Công ty.

KHÁI QUÁT VỀ TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP nguyên là Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên được cổ phần hóa theo Quyết định số 1165/QĐ-TTg ngày 09 tháng 8 năm 2017 về việc phê duyệt Phương án cổ phần hoá Công ty Mẹ - Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên.

Tổng Công ty đã được Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số 3700146458, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 02 tháng 01 năm 2018, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 22 tháng 12 năm 2023.

Vốn điều lệ : 2.366.000.000.000 Đồng

Vốn pháp định : 6.000.000.000 Đồng

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh : Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ

Tổ chức hoạt động kinh doanh

Hệ thống hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty gồm có:

*** Trụ sở chính**

- Địa chỉ : 63 Yersin, Phường Hiệp Thành, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
- Điện thoại : (84-274) 382 9535 – 382 9608
- Fax : (84-274) 382 4112 – 382 9533
- Website : www.thalexim.vn
- E-mail : contact@thalexim.vn
- Mã số DN : 3 7 0 0 1 4 6 4 5 8

*** Các đơn vị kinh doanh phụ thuộc và trực thuộc; các Công ty con và Công ty liên doanh liên kết với Tổng Công ty được trình bày tại Mục I của Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.**

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Hội đồng Quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị (Nhiệm kỳ 2022 - 2027)

- | | | |
|----|------------------------|---------------------------------|
| 1. | Ông Đoàn Minh Quang | Chủ tịch HĐQT |
| 2. | Bà Phạm Thị Băng Trang | Thành viên HĐQT |
| 3. | Bà Phạm Thị Kim Thành | Thành viên HĐQT |
| 4. | Ông Lê Trọng Hiếu | Thành viên HĐQT không điều hành |
| 5. | Ông Nguyễn Tiến Dũng | Thành viên HĐQT không điều hành |

Ban Kiểm soát (Nhiệm kỳ 2022 - 2027)

- | | | |
|----|------------------------|------------|
| 1. | Bà Nguyễn Thị Khánh Hà | Trưởng ban |
| 2. | Bà Bùi Thị Kim Khoa | Thành viên |
| 3. | Ông Lê Tuấn Vũ | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc

- | | | |
|----|------------------------|-------------------|
| 1. | Bà Phạm Thị Băng Trang | Tổng Giám đốc |
| 2. | Bà Phạm Thị Kim Thành | Phó Tổng Giám đốc |
| 3. | Ông Đặng Văn Đoàn | Phó Tổng Giám đốc |

Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty

1. Ông Đoàn Minh Quang Chủ tịch HĐQT
2. Bà Phạm Thị Băng Trang Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024 của Tổng Công ty.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty và các Công ty con được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 08 đến trang 72.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này và cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- * Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu;
- * Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- * Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- * Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- * Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng các sổ kế toán thích hợp đã được lưu giữ đầy đủ và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024 kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty và các Công ty con, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

vệ an toàn tài sản của Tổng Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán; đồng thời cam kết thực hiện đúng các quy định công bố Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho các cơ quan quản lý Nhà nước.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Tổng Giám đốc – Phạm Thị Băng Trang

Thành phố Thủ Dầu Một, ngày 28 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO SOÁT XÉT

THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

KÍNH GỬI: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP, được lập ngày 28 tháng 8 năm 2024, từ trang 08 đến trang 72, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; đồng thời chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên các thông tin Ban Tổng Giám đốc đã cung cấp cho chúng tôi, Tổng Công ty chưa phân bổ vào kết quả kinh doanh của kỳ này khoản lợi thế kinh doanh bổ sung theo Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 31/01/2023 về việc phê duyệt bổ sung, điều chỉnh phương án sử dụng đất của Tổng Công ty, ước tính khoản 38.427.000.000 Đồng (Thuyết minh V.21).

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét, ngoại trừ vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024 của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2024

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh



Giám đốc – Võ Công Tuấn

Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số : 0486-2023-124-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

ĐVT: Đồng

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30/6/2024	Ngày 01/01/2024
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		6.057.446.991.847	5.887.936.413.397
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	1.233.040.618.692	1.446.850.161.071
111	1. Tiền		835.531.851.569	1.143.436.661.071
112	2. Các khoản tương đương tiền		397.508.767.123	303.413.500.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		96.048.400.000	70.136.416.400
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		-	-
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	96.048.400.000	70.136.416.400
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.727.611.410.814	1.428.862.325.387
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	1.427.807.907.451	1.258.027.520.455
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	18.493.075.878	20.937.660.312
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.5	-	8.000.000.000
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	V.6	288.459.841.952	149.046.559.087
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.7	(7.149.414.467)	(7.149.414.467)
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
140	IV. Hàng tồn kho		2.940.173.329.565	2.877.977.117.016
141	1. Hàng tồn kho	V.8	2.940.173.329.565	2.877.977.117.016
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		60.573.232.776	64.110.393.523
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.9	26.899.956.987	10.580.391.606
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	V.10	32.608.772.441	53.298.054.966
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.11	1.064.503.348	231.946.951
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
155	5. Tài sản ngắn hạn khác		-	-

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30/6/2024	Ngày 01/01/2024
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.323.472.798.061	3.283.330.778.869
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		58.013.679.865	39.175.750.420
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	V.12	3.789.171.680	3.789.171.680
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn	V.13	13.184.628.740	13.184.628.740
215	3. Phải thu về cho vay dài hạn		-	-
216	4. Phải thu dài hạn khác	V.14	41.039.879.445	22.201.950.000
219	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	-
220	II. Tài sản cố định		1.611.374.933.412	1.524.289.806.199
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.15	1.279.743.286.134	1.194.458.300.347
222	- Nguyên giá		2.411.845.055.349	2.289.987.970.680
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.132.101.769.215)	(1.095.529.670.333)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
225	- Nguyên giá		-	-
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.16	331.631.647.278	329.831.505.852
228	- Nguyên giá		435.301.296.153	429.936.846.604
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(103.669.648.875)	(100.105.340.752)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.17	176.678.189.306	177.862.315.209
231	- Nguyên giá		226.352.419.154	226.024.154.235
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(49.674.229.848)	(48.161.839.026)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		797.304.429.963	867.207.730.638
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	V.18	34.887.595.347	31.074.295.370
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.19	762.416.834.616	836.133.435.268
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		348.558.554.765	343.495.941.446
251	1. Đầu tư vào công ty con	V.19	-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	V.20	348.558.554.765	343.495.941.446
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	-
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		331.543.010.750	331.299.234.957
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.21	331.543.010.750	331.299.234.957
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
268	3. Tài sản dài hạn khác		-	-
269	4. Lợi thế thương mại		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		9.380.919.789.908	9.171.267.192.266

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30/6/2024	Ngày 01/01/2024
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		6.615.332.353.554	6.444.760.450.219
310	I. Nợ ngắn hạn		6.308.924.115.041	6.119.407.089.202
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.22	1.213.169.617.995	537.339.292.146
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.23	8.479.671.645	8.468.395.655
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.24	244.678.998.045	161.248.581.413
314	4. Phải trả người lao động		13.530.169.377	16.858.884.827
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.25	4.492.979.473	23.673.696.825
317	6. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
318	7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	-
319	8. Phải trả ngắn hạn khác	V.26	135.230.087.972	143.205.322.258
320	9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.27	4.255.382.569.257	4.791.007.919.678
321	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
322	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.28	43.495.101.198	47.529.808.300
323	12. Quỹ bình ổn giá	V.29	390.464.920.079	390.075.188.100
324	13. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
330	II. Nợ dài hạn		306.408.238.513	325.353.361.017
331	1. Phải trả người bán dài hạn	V.30	22.024.200.000	22.024.200.000
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn	V.31	-	4.500.000.000
333	3. Chi phí phải trả dài hạn		-	-
335	4. Phải trả nội bộ dài hạn		-	-
336	5. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.32	237.580.868.363	243.656.990.867
337	6. Phải trả dài hạn khác	V.33	22.280.570.150	24.547.370.150
338	7. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.34	24.522.600.000	30.624.800.000
339	8. Trái phiếu chuyển đổi		-	-
340	9. Cổ phiếu ưu đãi		-	-
341	10. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
342	11. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
343	12. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	-

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30/6/2024	Ngày 01/01/2024
400	D VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.765.587.436.354	2.726.506.742.047
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.35	2.765.587.436.354	2.726.506.742.047
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	V.35.1	2.366.000.000.000	2.366.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	-
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
415	5. Cổ phiếu quỹ	V.35.2	(243.800.000)	(243.800.000)
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	V.35.3	(25.242.423.594)	(25.242.423.594)
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
418	8. Quỹ đầu tư phát triển	V.35.4	30.116.220.036	15.757.298.185
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		-	-
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
421	11. Lợi nhuận sau thuế (LNST) chưa phân phối	V.35.5	164.384.223.668	146.242.168.212
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		118.132.826.192	40.325.377.478
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		46.251.397.476	105.916.790.734
422	12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
429	13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	V.35.6	230.573.216.244	223.993.499.244
430	II. Nguồn kinh phí		-	-
431	1. Nguồn kinh phí		-	-
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		9.380.919.789.908	9.171.267.192.266

Thành phố Thủ Dầu Một, ngày 28 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Nguyễn Ngọc Ngân

Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao

Phạm Thị Băng Trang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

ĐVT: Đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		10.288.549.769.390	10.080.038.374.875
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.36	10.288.549.769.390	10.080.038.374.875
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.37	9.928.672.125.149	9.777.745.909.700
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		359.877.644.241	302.292.465.175
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.38	16.664.641.679	51.438.704.755
22	7. Chi phí tài chính	VI.39	126.378.650.236	123.225.566.082
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		93.730.370.485	95.209.649.297
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong liên doanh, liên kết	VI.40	7.038.717.571	7.583.739.576
25	9. Chi phí bán hàng	VI.41	155.671.090.730	153.674.209.099
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.42	49.135.963.446	47.493.627.704
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		52.395.299.079	36.921.506.621
31	12. Thu nhập khác	VI.43	9.627.940.659	2.552.179.113
32	13. Chi phí khác	VI.44	3.062.052.977	2.162.568.748
40	14. Lợi nhuận khác		6.565.887.682	389.610.365
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		58.961.186.761	37.311.116.986
51	16. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.45	6.130.072.285	4.618.468.932
60	17. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp		52.831.114.476	32.692.648.054
61	18. Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ		46.251.397.476	29.953.787.133
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	VI.46	6.579.717.000	2.738.860.921
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.47	184	121
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.47	184	121

Thành phố Thủ Dầu Một, ngày 28 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Ngọc Ngân

Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao

Phạm Thị Băng Trang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

ĐVT: Đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		58.961.186.761	37.311.116.986
02	2. Điều chỉnh cho các khoản			
	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	V.15;16;17	48.855.045.950	44.039.389.402
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(11.185.482.559)	2.731.274.535
06	- Chi phí lãi vay	VI.39	93.730.370.485	76.326.855.046
07	- Các khoản điều chỉnh khác		452.718.841	42.951.566.737
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		190.813.839.478	203.360.202.706
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(330.762.315.242)	(1.177.484.047.507)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(66.009.512.526)	(412.145.522.630)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		758.139.936.977	1.675.284.586.619
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(16.563.341.174)	(12.089.463.853)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(101.670.984.631)	(76.498.077.156)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.24	(32.432.912.762)	(29.014.921.167)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	12.695.169.754
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(15.809.023.020)	(3.433.582.435)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		385.705.687.100	180.674.344.331
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(63.282.068.959)	(55.869.196.791)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		25.032.026.498	200.000.000.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(90.798.400.000)	(2.399.200.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		72.886.416.400	1.766.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.531.774.970	17.663.984.674
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(51.630.251.091)	161.161.587.883

ĐVT: Đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
33	1. Tiền thu từ đi vay		9.564.312.399.761	9.079.594.217.932
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(10.104.054.003.149)	(9.433.075.253.276)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(8.143.375.000)	(8.443.796.610)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(547.884.978.388)	(361.924.831.954)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(213.809.542.379)	(20.088.899.740)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	V.1	1.446.850.161.071	671.416.381.450
61	- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	1.233.040.618.692	651.327.481.710

Thành phố Thủ Dầu Một, ngày 28 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Ngọc Ngân

Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao

Phạm Thị Băng Trang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không thể tách rời các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024 của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP, sau đây viết tắt là “Tổng Công ty”.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hình thức sở hữu vốn : Công ty Cổ phần

Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ

Ngành nghề kinh doanh :

Tổng Công ty đang thực hiện các hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Kinh doanh Xăng dầu; Vận tải xăng dầu đường thủy nội địa; Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng làm việc, hội trường, kho bãi, nhà xưởng;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị; Mua bán vật liệu xây dựng; Sản xuất nước sạch đóng chai; Sản xuất bao bì;
- Kinh doanh tổ chức các loại hình vui chơi giải trí; Kinh doanh dịch vụ ăn uống, nhà hàng, khách sạn;
- Dịch vụ vệ sinh đô thị; Trồng và chăm sóc cây xanh đô thị, quản lý nghĩa trang; Quản lý vận hành, duy tu hệ thống chiếu sáng công cộng; Duy trì hệ thống thoát nước đô thị;
- Kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; Kinh doanh kho bãi, vận chuyển hàng hóa và một số hoạt động kinh doanh khác;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Bốc xếp hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc chung của Tổng Công ty

Tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2024, cấu trúc của Tổng Công ty như sau:

- + Trụ sở chính;
- + Các đơn vị kinh doanh phụ thuộc và trực thuộc;
- + Các Công ty con và Công ty liên doanh, liên kết.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

❖ **Các đơn vị kinh doanh phụ thuộc và trực thuộc bao gồm:**

	Tên đơn vị kinh doanh	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh
1.	Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ tại TP. HCM	Số 102, Nguyễn Du, Quận 1, TP.HCM	Văn phòng giao dịch và cho thuê văn phòng
2.	Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại TP Long Xuyên – An Giang	Số 493/43, Trần Hưng Đạo, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Kinh doanh xăng dầu
3.	Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại Tỉnh Thừa Thiên Huế	Thôn 1B, Xã Thủy Phù, Thị xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Kinh doanh xăng dầu
4.	Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại Tỉnh Bình Phước	Số 626, Quốc lộ 14, Phường Tân Phú, TP Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	Kinh doanh xăng dầu
5.	Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại Tỉnh Đắk Lắk	Số 463 Nguyễn Văn Cừ, Phường Tân Lập, TP.Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk	Kinh doanh xăng dầu
6.	Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại Thành phố Hải Phòng	Đầm Mắm, Khu Hạ Đoạn 2, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	Kinh doanh xăng dầu
7.	Công viên Nước Thanh Lễ	563 Đại lộ Bình Dương, Phường Hiệp Thành, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Công viên vui chơi, dịch vụ ăn uống, cho thuê hội trường
8.	Trung tâm Hội nghị Nhà hàng Khách sạn Gold Star	Số 37 Hùng Vương, Phường Phú Cường, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Dịch vụ nhà hàng, khách sạn, cho thuê hội trường
9.	Trung tâm Tổ chức Hội nghị và Sự kiện Thanh Lễ	Số 11A Đường 18/9, thị trấn Phước Vĩnh, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương	Dịch vụ cho thuê hội trường
10.	Tổng kho Xăng dầu Chánh Mỹ	Số 63/18 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chánh Mỹ, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Kho chứa xăng dầu
11.	Tổng kho Xăng dầu VK 102 – Thanh Lễ	Áp 6, Xã Phú Xuân, Huyện Nhà Bè, TP.HCM	Kho chứa xăng dầu
12.	Kho cảng Xăng dầu Bình Thắng	Đường ĐT 743A, Khu phố Quyết Thắng, P. Bình Thắng, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	Kho chứa xăng dầu
13.	Ban Quản lý KCN Sóng Thần I - Bình Đường	Số 09, Đường số 01, KCN Sóng Thần 1, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	Duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp
14.	Nhà máy sản xuất Bê tông An Sơn	Tỉnh Bình Dương	Kinh doanh vật liệu xây dựng
15.	Hệ thống 22 cửa hàng bán lẻ xăng dầu	Tỉnh Bình Dương và Bình Phước	Kinh doanh xăng dầu

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

❖ **Công ty con và Công ty liên doanh liên kết**

Tên Công ty	Hoạt động chính	Giấy Chứng nhận đăng ký DN	Vốn đầu tư của TCT vào Công ty con và Công ty liên kết	Tỷ lệ quyền kiểm soát của TCT
Công ty con				
1. Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị Bình Dương	Dịch vụ vệ sinh đô thị; Trồng và chăm sóc cây xanh; Duy trì hệ thống chiếu sáng công cộng và thoát nước đô thị	GCNĐKDN Công ty TNHH Một thành viên Mã số doanh nghiệp: 3700144108	43.738.905.964	100%
2. Công ty TNHH Đăng kiểm Xe cơ giới 61-05D	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật; Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn nhiên liệu	GCNĐKDN Công ty TNHH Một thành viên Mã số doanh nghiệp: 3702525028	15.000.000.000	100%
3. Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	Kinh doanh xăng dầu	GCNĐKDN Công ty TNHH Mã số doanh nghiệp: 3700828316	24.000.000.000	80,00%
4. Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics	Kho bãi, lưu giữ và vận chuyển hàng hóa	GCNĐKDN Công ty TNHH Mã số doanh nghiệp: 3702395178	278.327.692.200	60%
5. Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	Vận tải xăng dầu; Kinh doanh mặt hàng cát xây dựng và san lấp mặt bằng	GCNĐKDN Công ty TNHH Mã số doanh nghiệp: 3700817346	45.302.676.635	57,97%
6. Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	Sản xuất nước đóng chai, kinh doanh bao bì, cho thuê nhà xưởng	GCNĐKDN Công ty Cổ phần Mã số doanh nghiệp: 3700785510	8.188.380.782	56,84%
Công ty liên kết				
7. Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	Trồng rừng, trồng cây lâu năm, chăn nuôi... các hoạt động kinh doanh liên quan đến nông lâm nghiệp	GCNĐKDN Công ty Cổ phần Mã số doanh nghiệp: 3701815415	37.937.734.355	35,02%
8. Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất vật liệu xây dựng	GCNĐKDN Công ty Cổ phần Mã số doanh nghiệp: 3700148529	256.458.010.136	25,00%

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

Khoản đầu tư và tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại các Công ty con tại ngày 30/06/2024 như sau:

Công ty	Giá trị khoản đầu tư	Lợi thế thương mại	Giá trị phần vốn góp thực tế	Vốn điều lệ của Công ty con	Tỷ lệ lợi ích
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương	43.738.905.964	17.738.905.964	26.000.000.000	26.000.000.000	100,00%
- Công ty TNHH Đăng kiểm xe cơ giới 61-05D	15.000.000.000	-	15.000.000.000	15.000.000.000	100,00%
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	24.000.000.000	-	24.000.000.000	30.000.000.000	80,00%
- Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics	278.327.692.200	-	278.327.692.200	463.879.487.000	60,00%
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	45.302.676.635	6.988.136.848	38.314.539.787	66.088.039.787	57,97%
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	8.188.380.782	515.380.782	7.673.000.000	13.500.000.000	56,84%
Cộng	414.557.655.581	25.242.423.594	389.315.231.987		

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán năm**

Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Cụ thể:

- + Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (sau đây viết tắt là “Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.
- + Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (sau đây viết tắt là “Thông tư 200”) hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan.

Hình thức sổ kế toán

Tổng Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Báo cáo tài chính của các Công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của Công ty con đó.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày đầu tư, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát Công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với Công ty con.

Các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một niên độ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa Công ty mẹ và Công ty con.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

Số dư các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán và các giao dịch nội bộ, các khoản lãi, lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng tập đoàn sẽ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát Công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý, là ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với Công ty con.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ; được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2. Các tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tổng Công ty ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế phát sinh có gốc ngoại tệ vào Báo cáo tài chính theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của Bảng Cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày Bảng Cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại Quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có tính thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi trên hóa đơn, chứng từ gốc trừ dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải thu.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Đối với thành phẩm giá gốc bao gồm trị giá nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp Bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp Kê khai thường xuyên.

6. Tài sản cố định

Được coi là Tài sản cố định nếu thỏa mãn đồng thời cả ba tiêu chuẩn dưới đây:

- Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
- Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên;
- Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 Đồng (ba mươi triệu đồng) trở lên.

6.1 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ kế toán.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ Tài chính.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

Số năm khấu hao của các nhóm TSCĐ hữu hình như sau:

Nhóm Tài sản cố định hữu hình	Số năm
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
- Máy móc và thiết bị	03 – 15
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 20
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 15
- Tài sản cố định khác	05 – 10

6.2 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là tài sản không có hình thái vật chất nhưng xác định được giá trị, Tổng Công ty có khả năng kiểm soát nguồn lực và tính chắc chắn của lợi ích kinh tế trong tương lai, thông thường có nguồn gốc từ quyền pháp lý. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng.

TSCĐ vô hình của Tổng Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất (QSDĐ) có thời hạn, QSDĐ lâu dài và Giấy phép xả nước thải, được thể hiện theo Nguyên giá trừ Hao mòn lũy kế. QSDĐ là tiền thuê đất Tổng Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ.

Tổng Công ty chỉ trích khấu hao đối với QSDĐ xác định được thời hạn sử dụng; QSDĐ lâu dài thì không trích khấu hao.

Nhóm Tài sản cố định vô hình	Số năm
- Quyền sử dụng đất có thời hạn	10 – 50
- Giấy phép xả nước thải	10

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư (BĐSDT) là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tổng Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá để bán. BĐSĐT được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của BĐSĐT là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được BĐSĐT tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến BĐSĐT phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho BĐSĐT tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi BĐSĐT được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

Tổng Công ty không trích khấu hao đối với BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy BĐSĐT bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì Tổng Công ty được đánh giá giảm nguyên giá BĐSĐT và ghi nhận khoản tổn thất vào giá vốn hàng bán (tương tự như việc lập dự phòng đối với hàng hóa bất động sản).

BĐSDT cho thuê hoạt động được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các nhóm BĐSĐT như sau:

Nhóm Bất động sản đầu tư	Số năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài	Không khấu hao
- Quyền sử dụng đất có thời hạn, Nhà cửa vật kiến trúc	25 - 50

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty) cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc tính khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản cùng loại khác và chỉ bắt đầu khấu hao từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

9. Các khoản đầu tư tài chính

❖ Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn (các khoản tiền gửi có kỳ hạn). Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ kế toán và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

❖ Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh, liên kết là các bên nhận vốn đầu tư mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, đến các chính sách tài chính và hoạt động của công ty liên doanh, liên kết.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này được trình bày phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất, bao gồm các điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của Tổng Công ty trong lãi hoặc lỗ của công ty liên doanh, liên kết. Phần sở hữu của Tổng Công ty trong kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

doanh hợp nhất của Tổng Công ty. Các khoản được chia từ công ty liên doanh, liên kết phải hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Việc điều chỉnh giá trị ghi sổ cũng phải thực hiện khi lợi ích của Tổng Công ty thay đổi phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của công ty liên doanh, liên kết mà không phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại TSCĐ, chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính ...).

Trường hợp khoản lỗ trong công ty liên doanh, liên kết mà Tổng Công ty phải gánh chịu lớn hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư trên Báo cáo tài chính hợp nhất thì Tổng Công ty chỉ ghi giảm giá trị khoản đầu tư trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho đến khi nó bằng không.

10. Các khoản trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh và có liên quan đến hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Trên Bảng Cân đối kế toán, chi phí trả trước được trình bày theo tiêu chí trả trước ngắn hạn và dài hạn.

Chi phí trả trước ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào chi phí dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý.

11. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh khi hợp nhất kinh doanh thể hiện khoản thanh toán của bên mua cho những lợi ích kinh tế ước tính thu được trong tương lai từ những tài sản không đủ tiêu chuẩn ghi nhận và không xác định được một cách riêng biệt.

Xác định giá trị ban đầu của Lợi thế thương mại theo giá gốc: là phần chênh lệch của giá phí hợp nhất so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận.

Theo hướng dẫn tại khoản 5, Điều 14, Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/11/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất quy định: “Đối với các công ty mẹ được cổ phần hoá từ công ty Nhà nước, khi xác định giá trị doanh nghiệp, công ty mẹ phải đánh giá lại giá trị các khoản đầu tư vào công ty con. Khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ khoản đầu tư của công ty mẹ và phần sở hữu của công ty mẹ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được trình bày vào chỉ tiêu “Chênh lệch đánh giá lại tài sản” của Bảng cân đối kế toán hợp nhất”.

12. Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại theo tính chất kinh tế và phản ánh theo giá gốc bao gồm:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ;

- Phải trả khác là các khoản phải trả không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý. Trên Bảng Cân đối kế toán, các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải trả.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

14. Chi phí phải trả

Là các khoản phải trả đã được dự tính và trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa trả (bao gồm hàng hoá dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng chưa đủ hồ sơ tài liệu để chi trả; chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ; tiền lương nghỉ phép của người lao động; chi phí lãi tiền vay trả sau ...).

Chi phí phải trả là nghĩa vụ nợ hiện tại, xác định được chắc chắn thời gian phải thanh toán, số sẽ phải trả và là một phần của các khoản phải trả thương mại hoặc phải trả khác. Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ và phải được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế phải được hoàn nhập. Những khoản chi phí trích trước chưa sử dụng cuối năm phải được giải trình trong bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

15. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản tiền nhận trước của người mua nhưng liên quan đến nhiều kỳ kế toán và người bán đã giao hàng hoá, dịch vụ, tài sản cho người mua sử dụng.

Doanh thu chưa thực hiện của Tổng Công ty được ghi nhận trong trường hợp Khách hàng trả trước tiền thuê tài sản hoạt động trong nhiều năm. Doanh thu chưa thực hiện được tính và kết chuyển dần vào doanh thu của các kỳ kế toán sau.

16. Vốn chủ sở hữu

❖ Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu, đồng thời được theo dõi chi tiết đối với cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết và cổ phiếu ưu đãi.

❖ **Cổ phiếu quỹ**

Khi mua lại cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

❖ **Lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên bảng Cân đối kế toán là số lợi nhuận từ các hoạt động của Tổng Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

❖ **Trích lập các quỹ**

Các quỹ (Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi,...) được trích lập và sử dụng theo Điều lệ công ty, mức trích lập được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

❖ **Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là một phần của kết quả hoạt động thuần và giá trị tài sản thuần của một Công ty con được xác định tương ứng cho các phần lợi ích không phải do Công ty mẹ sở hữu một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các Công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần bao gồm: Giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định phù hợp với chuẩn mực kế toán "Hợp nhất kinh doanh" và Phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

❖ **Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa sang người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hoặc kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, Tổng Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

- d. Tổng Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- e. Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

❖ *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- a. Kết quả của giao dịch được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Tổng Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- b. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- d. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành.

❖ *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Việc ghi nhận chi phí ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn. Chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp, nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán, thì kế toán phải căn cứ vào bản chất và các Chuẩn mực kế toán để phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận đúng kỳ và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

Các chi phí sản xuất vượt trên mức bình thường được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh và đúng kỳ kế toán.

20. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp tính trên Thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế và giá trị ghi sổ, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (từ số) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ kế toán (mẫu số).

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Tổng Công ty không trình bày Bộ phận báo cáo theo khu vực địa lý do toàn bộ hoạt động kinh doanh được thực hiện tại Việt Nam nên không có sự khác biệt lớn về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các khu vực địa lý.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ kế toán được trình bày tại Khoản 1, Mục VII – Thông tin khác của Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024

		ĐVT: Đồng	
		Ngày 30/6/2024	Ngày 01/01/2024
1. Tiền và các khoản tương đương tiền			
- Tiền mặt tại quỹ		15.351.723.913	19.402.047.866
- Tiền gửi ngân hàng (*)		820.180.127.656	1.124.034.613.205
- Các khoản tương đương tiền (**)		397.508.767.123	303.413.500.000
Cộng		1.233.040.618.692	1.446.850.161.071
(*) Trong đó Tiền gửi có gốc ngoại tệ		USD 967,409.73	USD 22,061.00

(**) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng tại các ngân hàng TMCP.

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	96.048.400.000	70.136.416.400
---	-----------------------	-----------------------

Các khoản Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng TMCP.

Trong đó, Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương là 4.098.800.000 đồng đang được thế chấp cho Quỹ Bảo vệ Môi trường Tỉnh Bình Dương để đảm bảo nợ vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 11/2019/HĐTD và 01/2023/HĐTD (tham chiếu Thuyết minh số V.27 và V.34).

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Ngày 30/6/2024	Ngày 01/01/2024
- Hoạt động kinh doanh xăng dầu	1.036.262.526.377	808.715.527.356
- Hoạt động kinh doanh Bất động sản	245.337.290.408	269.785.388.474
- Kinh doanh dịch vụ và các hoạt động khác	146.208.090.666	179.526.604.625
Cộng	1.427.807.907.451	1.258.027.520.455

Trong đó số dư với Bên liên quan:

+ Công ty CP Xăng Dầu và DV Hàng Hải S.T.S	1.525.160.595	491.151.977
+ Công ty CP Vật liệu và Xây dựng BD	9.569.006.967	6.293.000

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

- Hoạt động kinh doanh xăng dầu	6.892.096.885	2.976.322.449
- Hoạt động kinh doanh Bất động sản	6.755.942.531	10.409.271.605
- Kinh doanh dịch vụ và các hoạt động khác	4.845.036.462	7.552.066.258
Cộng	18.493.075.878	20.937.660.312

5. Phải thu cho vay ngắn hạn**- 8.000.000.000**

Khoản tiền đầu kỳ cho Công ty CP Nông Lâm Nghiệp Bình Dương (là Bên liên quan) vay ngắn hạn, lãi suất 9%/năm.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

6. Phải thu ngắn hạn khác

	Ngày 30/6/2024	Ngày 01/01/2024
- Thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ	74.327.338.970	9.084.777.997
- Tạm ứng	59.835.364.698	59.100.245.822
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	52.000.000.000	40.000.000.000
- Công ty CP Xăng Dầu và DV Hàng Hải S.T.S (*)	53.927.000.000	38.259.000.000
- Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Sài Gòn KV3/Xăng dầu	46.126.730.291	-
- Các đối tượng khác	2.243.407.993	2.602.535.268
Cộng	288.459.841.952	149.046.559.087

(*) Là Bên liên quan.

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Ngày 30/6/2024		Ngày 01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công ty TNHH MTV Minh Nguyệt	2.897.012.000	(2.897.012.000)	2.897.012.000	(2.897.012.000)
- DNTN DVTM Hải Long	1.446.839.586	(1.446.839.586)	1.446.839.586	(1.446.839.586)
- Công ty TNHH XD Dịch vụ Tư vấn XNK Kim Phát	1.177.940.000	(1.177.940.000)	1.177.940.000	(1.177.940.000)
- Công ty TNHH XD và Thương mại DAT	1.300.714.089	(1.300.714.089)	1.300.714.089	(1.300.714.089)
- Công ty TNHH Phong Huy Vân	41.852.000	(41.852.000)	41.852.000	(41.852.000)
- Ông Thái Tấn Phát	200.000.000	(200.000.000)	200.000.000	(200.000.000)
- Công ty TNHH MTV Vận tải XD Tấn Hoàng	170.113.583	(85.056.792)	170.113.583	(85.056.792)
Cộng	7.234.471.258	(7.149.414.467)	7.234.471.258	(7.149.414.467)

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

8. Hàng tồn kho

	Ngày 30/6/2024	Ngày 01/01/2024
- Hàng mua đang đi đường	739.950.019.312	499.960.375.244
- Nguyên liệu, vật liệu	75.591.092.460	69.379.993.303
- Công cụ, dụng cụ	1.581.974.211	1.744.512.513
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	69.600.000	207.000.000
- Thành phẩm	519.587.819.568	519.667.183.898
- Hàng hoá	1.603.392.824.014	1.787.018.052.058
Cộng	2.940.173.329.565	2.877.977.117.016

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

Nội dung	Ngày 01/01/2024	Tăng trong kỳ	Phân bổ trong kỳ	Ngày 30/6/2024
- Công cụ dụng cụ	1.343.016.114	2.673.335.132	(1.415.910.678)	2.600.440.568
- Chi phí bảo hiểm, sửa chữa, chi phí khác	9.237.375.492	33.239.572.428	(18.177.431.501)	24.299.516.419
Cộng	10.580.391.606	35.912.907.560	(19.593.342.179)	26.899.956.987

	Ngày 30/6/2024	Ngày 01/01/2024
10. Thuế GTGT được khấu trừ	32.608.772.441	53.298.054.966

Thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ và TSCĐ mua vào.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

11. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước

	Ngày 30/6/2024	Ngày 01/01/2024
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	215.551.740	215.551.740
- Thuế Thu nhập cá nhân	842.194.606	9.638.209
- Tiền thuê đất	6.757.002	6.757.002
Cộng	1.064.503.348	231.946.951

12. Phải thu dài hạn của khách hàng**3.789.171.680****3.789.171.680**

Phải thu dài hạn của các khách hàng thuộc hoạt động kinh doanh Bất động sản.

13. Trả trước cho người bán dài hạn**13.184.628.740****13.184.628.740**

Khoản trả trước cho Ban Quản lý Khu kinh tế Tỉnh Bình Phước.

14. Phải thu dài hạn khác

- Đặt cọc Hợp đồng thực hiện dự án Kho xăng dầu Cục Hậu cần QK7	20.000.000.000	20.000.000.000
- Ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án đầu tư Cảng Cạn An Sơn	21.033.179.445	-
- Ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án Nha Bích	-	1.967.250.000
- Ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư cửa hàng xăng dầu	-	228.000.000
- Các đối tượng khác	6.700.000	6.700.000
Cộng	41.039.879.445	22.201.950.000

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

15. Tài sản cố định hữu hình

Nhóm TSCĐ Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Ngày 01/01/2024	1.565.106.188.688	264.931.578.323	450.464.093.936	6.264.557.730	3.221.552.003	2.289.987.970.680
Mua trong kỳ	612.514.805	1.300.234.635	398.300.000	510.899.100	146.800.000	2.968.748.540
Đầu tư XDCB hoàn thành	64.815.008.002	48.819.840.329	12.241.224.143	306.905.000	359.603.621	126.542.581.095
Thanh lý, nhượng bán	(67.500.000)	(154.188.000)	(7.104.292.047)	-	-	(7.325.980.047)
Giảm khác	(328.264.919)	-	-	-	-	(328.264.919)
Ngày 30/6/2024	1.630.137.946.576	314.897.465.287	455.999.326.032	7.082.361.830	3.727.955.624	2.411.845.055.349
Giá trị hao mòn						
Ngày 01/01/2024	666.325.124.404	131.480.933.606	289.933.156.555	4.944.494.406	2.845.961.362	1.095.529.670.333
Khấu hao trong kỳ	18.570.180.153	11.167.026.728	13.967.617.507	167.040.886	103.075.944	43.974.941.218
Thanh lý, nhượng bán	(63.409.076)	(38.547.000)	(7.104.292.047)	-	-	(7.206.248.123)
Giảm khác	(196.594.213)	-	-	-	-	(196.594.213)
Ngày 30/6/2024	684.635.301.268	142.609.413.334	296.796.482.015	5.111.535.292	2.949.037.306	1.132.101.769.215
Giá trị còn lại						
Ngày 01/01/2024	898.781.064.284	133.450.644.717	160.530.937.381	1.320.063.324	375.590.641	1.194.458.300.347
Ngày 30/6/2024	945.502.645.308	172.288.051.953	159.202.844.017	1.970.826.538	778.918.318	1.279.743.286.134
Nguyên giá TSCĐ khấu hao hết còn sử dụng						
Ngày 01/01/2024	17.906.236.538	32.791.580.964	102.784.713.512	1.664.967.217	1.738.604.003	156.886.102.234
Ngày 30/6/2024	17.906.236.538	32.791.580.964	96.555.636.934	1.664.967.217	1.738.604.003	150.657.025.656

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

16. Tài sản cố định vô hình

Nhóm TSCĐ	Quyền sử dụng đất [a]	Phần mềm máy tính	Giấy phép và GP nhượng quyền [b]	Tổng cộng
Chỉ tiêu				
Nguyên giá				
Ngày 01/01/2024	428.769.224.785	849.440.000	318.181.819	429.936.846.604
Mua trong kỳ	5.364.449.549	-	-	5.364.449.549
Ngày 30/6/2024	434.133.674.334	849.440.000	318.181.819	435.301.296.153
Giá trị hao mòn				
Ngày 01/01/2024	99.328.598.852	482.424.023	294.317.877	100.105.340.752
Khấu hao trong kỳ	3.463.454.813	84.944.004	15.909.306	3.564.308.123
Ngày 30/6/2024	102.792.053.665	567.368.027	310.227.183	103.669.648.875
Giá trị còn lại				
Ngày 01/01/2024	329.440.625.933	367.015.977	23.863.942	329.831.505.852
Ngày 30/6/2024	331.341.620.669	282.071.973	7.954.636	331.631.647.278

- [a] Là Quyền sử dụng đất tại các Cửa hàng xăng dầu, Công ty con, Chi nhánh và Đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty.
- [b] Là Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 1402/GP-BTNMT ngày 14 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường cho phép Khu công nghiệp Sóng Thần 1 xả nước thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn xả ra kênh Ba Bò, chảy vào rạch Vĩnh Bình, sau đó đổ ra sông Sài Gòn. Thời hạn của giấy phép là 10 năm.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

17. Bất động sản đầu tư

Nhóm BĐS	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc tại CN HCM	Nhà cửa, vật kiến trúc tại Cao ốc Bình Dương	Nhà xưởng và văn phòng cho thuê	Tổng cộng
Chỉ tiêu	[a]	[b]			
Nguyên giá					
Ngày 01/01/2024	155.738.416.055	22.486.765.076	34.271.436.844	13.527.536.260	226.024.154.235
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	328.264.919	328.264.919
Ngày 30/6/2024	155.738.416.055	22.486.765.076	34.271.436.844	13.855.801.179	226.352.419.154
Giá trị hao mòn					
Ngày 01/01/2024	20.708.594.973	7.460.513.766	8.239.813.636	11.752.916.651	48.161.839.026
Khấu hao trong kỳ	261.510.738	222.062.826	656.259.408	175.963.637	1.315.796.609
Tăng khác	-	-	-	196.594.213	196.594.213
Ngày 30/6/2024	20.970.105.711	7.682.576.592	8.896.073.044	12.125.474.501	49.674.229.848
Giá trị còn lại					
Ngày 01/01/2024	135.029.821.082	15.026.251.310	26.031.623.208	1.774.619.609	177.862.315.209
Ngày 30/6/2024	134.768.310.344	14.804.188.484	25.375.363.800	1.730.326.678	176.678.189.306

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

[a] Quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất lâu dài tại số 102A Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyền sử dụng đất có thời hạn tại Cao ốc Bình Dương;
- Quyền sử dụng đất có thời hạn tại Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thuê lại đất số 025/NTC-THALEXIM ngày 18 tháng 6 năm 2007 và Phụ lục Hợp đồng thuê lại đất số PL001/NTC-THALEXIM ngày 06 tháng 8 năm 2009 đã ký với Công ty CP Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên (Diện tích đất thuê còn lại sau khi thanh lý, nhượng bán là 6.786,70 m², thời hạn sử dụng đất đến ngày 24/10/2054).

[b] Nhà cửa, vật kiến trúc tại Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tòa nhà Cao ốc văn phòng tại số 102A Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 02 năm 1997.

18. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	Ngày 30/6/2024	Ngày 01/01/2024
- Khu nhà Thương mại An Bình	19.842.941.801	19.842.941.801
- Khu nhà Thương mại Phú Thọ, Thanh Lễ	15.044.653.546	11.231.353.569
Cộng	34.887.595.347	31.074.295.370

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

19. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Ngày 30/6/2024	Ngày 01/01/2024
- Khu Kho Cảng An Sơn	302.924.732.083	346.227.346.115
- Kho xăng dầu Phú Quốc	171.069.372.305	170.949.172.305
- Khu Nha Bích	152.867.962.857	139.899.834.185
- Cải tạo tổng kho XD Chánh Mỹ	41.167.496.977	41.098.746.977
- Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư	31.282.453.685	31.254.049.234
- Khu Công Nghiệp Sóng Thần I	30.929.319.210	10.699.155.277
- Hệ thống cửa hàng xăng dầu	6.240.373.684	11.968.647.652
- Các công trình, dự án khác	25.935.123.815	84.036.483.523
Cộng	762.416.834.616	836.133.435.268

20. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

20.1	Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	293.163.391.942	288.488.501.289
20.2	Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	55.395.162.823	55.007.440.157
	Cộng	348.558.554.765	343.495.941.446

20.1 Khoản đầu tư vào **Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương** (UPCoM: MVC). Tại ngày 30/6/2024, Tổng Công ty nắm giữ **25.000.000 Cổ phiếu**, chiếm **25%** Vốn điều lệ của Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương.

20.2 Khoản đầu tư vào **Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Bình Dương** (UPCoM: AFC). Tại ngày 30/6/2024, Tổng Công ty nắm giữ **3.743.327 Cổ phiếu**, chiếm **35,02%** Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Bình Dương.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

Tình hình biến động của các khoản đầu tư vào Công ty liên kết như sau:

Nội dung	Công ty CP Vật liệu và Xây dựng BD	Công ty CP Nông Lâm nghiệp BD	Cộng
Giá gốc khoản đầu tư	256.458.010.136	37.937.734.355	294.395.744.491
Lợi nhuận lũy kế khoản đầu tư			
- Ngày 01/01/2024	32.030.491.153	17.069.705.802	49.100.196.955
- Lợi nhuận trong kỳ	6.054.618.828	984.098.743	7.038.717.571
- Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi, điều chỉnh khác trong kỳ	(1.379.728.175)	(596.376.077)	(1.976.104.252)
- Ngày 30/6/2024	36.705.381.806	17.457.428.468	54.162.810.274
Giá trị khoản đầu tư liên kết			
- Ngày 01/01/2024	288.488.501.289	55.007.440.157	343.495.941.446
- Ngày 30/6/2024	293.163.391.942	55.395.162.823	348.558.554.765

21. Chi phí trả trước dài hạn

Nội dung	Ngày 01/01/2024	Tăng trong kỳ	Phân bổ trong kỳ	Ngày 30/6/2024
- Chi phí sửa chữa, cải tạo	15.148.031.312	6.695.417.127	(6.509.084.935)	15.334.363.504
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.192.571.536	-	(198.761.926)	993.809.610
- Lợi thế kinh doanh bỏ sung (*)	307.416.581.721	-	-	307.416.581.721
- Công cụ dụng cụ và các chi phí khác	7.542.050.388	3.397.887.322	(3.141.681.795)	7.798.255.915
Cộng	331.299.234.957	10.093.304.449	(9.849.528.656)	331.543.010.750

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

- (*) Khoản tiền ghi nhận theo Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 31/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt bổ sung, điều chỉnh phương án sử dụng đất và Thông báo số 53/TB-UBND ngày 22/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc xác định giá trị khu đất thuê lại thuộc Khu công nghiệp Nam Tân Uyên.

Tổng Công ty dự kiến phân bổ trong thời hạn 4 năm (2024 – 2027; căn cứ Thông tư số 138/2012/TT-BTC ngày 20/8/2012 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh đối với công ty cổ phần được chuyển đổi từ công ty nhà nước)

22. Phải trả người bán ngắn hạn

	Ngày 30/6/2024	Ngày 01/01/2024
- Hoạt động kinh doanh xăng dầu	1.110.327.605.266	429.602.570.987
- Hoạt động kinh doanh Bất động sản	7.919.302.574	1.668.075.108
- Kinh doanh dịch vụ và các hoạt động khác	94.922.710.155	106.068.646.051
Cộng	1.213.169.617.995	537.339.292.146

Trong đó số dư với Bên liên quan:

+	Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	274.029.260	258.468.088
---	--	-------------	-------------

23. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

- Hoạt động kinh doanh xăng dầu	6.893.551.965	7.787.634.080
- Hoạt động kinh doanh Bất động sản	1.250.000.000	250.000.000
- Kinh doanh dịch vụ và các hoạt động khác	336.119.680	430.761.575
Cộng	8.479.671.645	8.468.395.655

Trong đó số dư với Bên liên quan:

+	Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	-	7.073.647.554
---	--	---	---------------

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

24. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Ngày 01/01/2024	Phải nộp trong kỳ (*)	Thực nộp trong kỳ (*)	Ngày 30/6/2024
- Thuế Giá trị gia tăng	2.588.079.776	124.860.691.458	100.044.915.580	27.403.855.654
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	461.411.247.185	415.284.516.894	46.126.730.291
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt hàng NK	-	276.982.831.905	259.416.817.498	17.566.014.407
- Thuế Xuất, Nhập khẩu	-	31.016.510.498	31.016.510.498	-
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	30.323.581.135	6.130.072.285	32.432.912.762	4.020.740.658
- Thuế Thu nhập cá nhân	387.017.353	881.541.810	1.492.211.282	(223.652.119)
- Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	(6.757.002)	8.250.954.657	5.082.680.557	3.161.517.098
- Thuế bảo vệ môi trường	127.663.473.200	775.924.425.589	758.149.110.081	145.438.788.708
- Thu hộ Phí sử dụng đường bộ; Cổ tức nộp NSNN; Phí, lệ phí, thuế khác	61.240.000	57.608.415.671	57.549.155.671	120.500.000
Cộng	161.016.634.462	1.743.066.691.058	1.660.468.830.823	243.614.494.697

Trong đó:

- Thuế phải nộp	161.248.581.413	-	244.678.998.045
Thuế nộp thừa			
- (Tham chiếu V.11)	(231.946.951)	-	(1.064.503.348)

(*) Số phải nộp, thực nộp trong năm được trình bày theo số thuần (đã bù trừ với số thuế của hàng nhập khẩu được hoàn).

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

Thuế Giá trị gia tăng

Phương pháp tính thuế : Theo phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng

- * *Không chịu thuế* : Chuyển nhượng Quyền sử dụng đất, Dịch vụ công ích chăm sóc cây xanh đô thị, vận hành chiếu sáng công cộng
- * *Không kê khai thuế* : Hoa hồng đại lý bảo hiểm, lệ phí cấp Giấy chứng nhận kiểm định, phí sử dụng đường bộ
- * *5%* : Nước sinh hoạt
- * *8% và 10%* : Xăng, dầu, nhớt các loại; đá xây dựng; cho thuê văn phòng, nhà xưởng, cung cấp dịch vụ...

Thuế Tiêu thụ đặc biệt

Thuế suất áp dụng

- * *8%* : Xăng E5 Ron 92
- * *10%* : các loại xăng khác
- * *20%* : hoạt động kinh doanh Gôn

Thuế Xuất, Nhập khẩu

Tổng Công ty kê khai và nộp theo thông báo của cơ quan Hải quan. Tổng Công ty được hưởng ưu đãi thuế nhập khẩu xăng dầu theo các Thông tư sau:

- Thông tư 156/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 quy định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN giai đoạn 2018-2022.
- Thông tư số 149/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 quy định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt thực hiện Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc giai đoạn 2018-2022.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp: 20%.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

Các khoản Phí, lệ phí phải nộp

- Thu hộ Lệ phí cấp giấy chứng nhận và nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại Thông tư 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016, Thông tư 36/2022/TT-BTC ngày 16/06/2022 của Bộ Tài chính quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 199/2016/TT-BTC (có hiệu lực từ ngày 01/08/2022) quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận đảm bảo chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.
- Thu hộ Phí sử dụng đường bộ và nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại Thông tư số 70/2021/TT-BTC ngày 12/08/2021 của Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ.

Các loại thuế khác

Tổng Công ty thực hiện kê khai và trích nộp theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo những cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính sẽ được xác định một cách chắc chắn theo quyết định cuối cùng của cơ quan Thuế.

25. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Ngày 30/6/2024	Ngày 01/01/2024
- Trích trước chi phí thuê kho, thuê văn phòng	3.166.621.430	-
- Phí môi giới	413.364.184	413.364.184
- Chi phí gia công chế biến đá	103.540.000	127.998.000
- Chi phí lãi vay	26.301.370	7.305.890.943
- Giá vốn bất động sản phải trả	-	14.880.000.000
- Chi phí khác	783.152.489	946.443.698
Cộng	4.492.979.473	23.673.696.825

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

26. Phải trả ngắn hạn khác

	Ngày 30/6/2024	Ngày 01/01/2024
- Kinh phí công đoàn	445.967.446	394.440.046
- Phí bảo trì Cao ốc Bình Dương	1.377.880.800	1.377.880.800
- Cổ tức còn phải trả cho cổ đông (Tổng Công ty)	79.885.405	79.885.405
- Cổ tức phải trả cho cổ đông không kiểm soát	-	8.143.375.000
- Công ty Cổ phần Giang Nam Logistics	130.872.297.733	130.872.297.733
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	628.867.097	1.576.195.789
- Các khoản phải trả khác	1.825.189.491	761.247.485
Cộng	135.230.087.972	143.205.322.258

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

27. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

		Ngày 01/01/2024	Vay trong kỳ	Trả nợ vay trong kỳ	Phân loại nợ đến hạn	Ngày 30/6/2024
27.1	Ngân hàng TMCP Công thương VN	1.201.524.468.448	2.248.130.237.917	(2.875.536.520.050)	-	574.118.186.315
27.2	Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN	104.995.963.505	205.909.469.733	(209.995.963.505)	-	100.909.469.733
27.3	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu VN	100.000.000.000	190.950.699.408	(190.950.699.408)	-	100.000.000.000
27.4	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN	1.597.994.386.496	2.053.869.156.267	(2.427.616.213.534)	-	1.224.247.329.229
27.5	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	118.792.560.000	(4.452.329.091)	-	114.340.230.909
27.6	Ngân hàng TMCP Quốc tế VN	332.087.357.912	629.247.095.599	(399.993.227.737)	-	561.341.225.774
27.7	Malayan Banking Berhad (Maybank)	240.805.855.518	821.345.106.649	(813.191.618.012)	-	248.959.344.155
27.8	Ngân hàng TMCP Hàng hải VN (MSB)	-	464.678.699.352	(326.544.832.836)	-	138.133.866.516
27.9	Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển	406.030.337.682	1.046.570.602.418	(1.035.070.274.933)	-	417.530.665.167
27.10	The Siam Commercial Bank Public Company Limited – CN TP Hồ Chí Minh	264.142.107.071	543.105.426.582	(532.563.474.922)	-	274.684.058.731
27.11	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	201.590.513.800	-	-	201.590.513.800
27.12	Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (VN)	273.161.117.388	862.364.248.574	(1.015.758.870.917)	-	119.766.495.045
27.13	Ngân hàng TMCP Phát triển TPHCM	267.863.525.658	177.758.583.883	(267.863.525.658)	-	177.758.583.883
27.14	Nợ đến hạn trả (Quỹ Bảo vệ Môi trường tỉnh Bình Dương)	2.402.800.000	-	(1.202.400.000)	802.200.000	2.002.600.000
Cộng		4.791.007.919.678	9.564.312.400.182	(10.100.739.950.603)	802.200.000	4.255.382.569.257

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

27.1 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương

Theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 230003/2023-HĐCVHM/NHCT640-TCT Thanh Lễ ngày 28/4/2023, Bản ghi nhớ giới hạn tín dụng ngày 28/4/2023 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức số 230003/2024-HĐCV-SĐBS01/NHCT640-TCT THANH LỄ ngày 24/5/2024, cụ thể:

- Giới hạn tín dụng : 1.400.000.000.000 Đồng
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 31/8/2024
- Thời hạn vay : Theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 3 tháng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Thế chấp một số máy móc thiết bị và QSDĐ.

27.2 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương

Theo Hợp đồng cấp tín dụng số 092K23-THALE ngày 28/9/2023, cụ thể:

- Giới hạn tín dụng : 55.000.000.000 Đồng
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 27/9/2024
- Thời hạn vay : Theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 3 tháng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

27.3 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương

Theo Hợp đồng tín dụng số 1800-LAV-230079141 ngày 27/9/2023, cụ thể:

- Hạn mức vay : 300.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : Đến hết ngày 26/9/2024
- Thời hạn vay : Không quá 4 tháng, quy định cụ thể tại khế ước nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn phục vụ sản xuất kinh doanh
- Lãi suất : Xác định theo từng khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản.

27.4 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương

Theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/83406/HĐTD ngày 27/7/2023 với các nội dung sau:

- Hạn mức vay : 1.500.000.000.000 Đồng gồm cả VNĐ và ngoại tệ quy đổi
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 27/7/2024
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, phát hành L/C, chiết khấu, bao thanh toán, hạn mức thấu chi phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất, Thời hạn vay : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Thế chấp một số QSDĐ, cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

27.5 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)

Theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số BCLC-669-1 ngày 17/8/2023, cụ thể:

- Hạn mức vay : 400.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương.
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại xăng dầu, bảo lãnh, mở L/C
- Thời hạn vay : Không quá 4 tháng và được quy định cụ thể tại kế ước nhận nợ
- Lãi suất : Xác định theo từng kế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản.

27.6 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB)

Theo Hợp đồng tín dụng số 8259116.24 ngày 16/5/2024, cụ thể:

- Hạn mức vay : 600.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương.
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng
- Thời hạn vay : Tối đa 6 tháng kể từ ngày giải ngân và được ghi trên Giấy nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động kinh doanh xăng dầu, bảo lãnh, mở L/C
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

27.7 Vay ngắn hạn Ngân hàng Malayan Banking Berhad (MayBank)

Theo Hợp đồng số HCMC-HN/ SLO/THALEXIM/2018/02 ngày 27/11/2018 và các Thư tái tục khoản tín dụng số MBB/HCMC/SLO/ 2019/THALEXIM/52 ngày 02/12/2019; số MBB/HCMC/LO/2020/THALEXIM/97 ngày 30/11/2020; số MBB/HCMC/LO/2021/THALEXIM/27 ngày 22/4/2021; số MBB/HCMC/LO/2021/THALEXIM/ 131 ngày 09/12/2021; số MBB/HCMC/SLO/2021/THALEXIM/89 ngày 13/12/2022; số MBB/HCMC/LO/2023/THALEXIM/103 ngày 23/11/2023; Các điều khoản cơ bản như sau:

- Hạn mức vay : 11.000.000 USD
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 23/11/2024
- Mục đích vay : Thư tín dụng L/C, Cho vay tín thác, Tài trợ hoá đơn, Tín dụng tuần hoàn, Bảo lãnh, Hợp đồng mua bán ngoại hối
- Lãi suất : Thư tín dụng (L/C): Lãi suất cho vay cơ bản + biên độ 1,25%/năm; Hợp đồng mua bán ngoại hối (FEC): Theo quy định của NHNN Việt Nam
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản.

27.8 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (MSB) – Chi nhánh TPHCM

Theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 156301/2023/HĐTD ngày 27/12/2023, cụ thể:

- Hạn mức vay : 500.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng
- Thời hạn vay : Không quá 3 tháng và được quy định cụ thể tại khế ước nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động kinh doanh xăng dầu, bảo lãnh, mở L/C
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

27.9 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát triển

Theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 441/2023/0105/HĐTDHM-DN/PGBank.SG ngày 10/8/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng số 02-441/2023/0105/PLHĐTD ngày 29/12/2023, cụ thể:

- Hạn mức vay : 600.000.000.000 Đồng.
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 10/8/2024
- Thời hạn vay : Không quá 3 tháng và được quy định cụ thể tại khế ước nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động kinh doanh xăng dầu, bảo lãnh, mở L/C
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản.

27.10 Vay ngắn hạn Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số HDTD.024/SCB.HCM/2022 ngày 30/11/2022; thư gia hạn ngày 30/11/2023 và Hợp đồng sửa đổi lần thứ nhất của Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số HDTD.024/SCB.HCM/2022 ngày 23/10/2023, cụ thể:

- Hạn mức vay : 12.000.000 USD
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 30/11/2024
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động kinh doanh xăng dầu
- Thời hạn vay : Không quá 3 tháng và được quy định cụ thể tại Thông báo rút vốn
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

27.11 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Bình Dương

Theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 200/2023/HDTD/BDG ngày 28/8/2023, cụ thể:

- Hạn mức vay : 369.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương.
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động kinh doanh xăng dầu, bảo lãnh, mở L/C
- Thời hạn vay : Không quá 6 tháng và được quy định cụ thể tại kế ước nhận nợ
- Lãi suất : Xác định theo từng kế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản.

27.12 Vay ngắn hạn Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam)

Theo Hợp đồng tín dụng số UOB/HCMC/CB-1422 ngày 12/6/2023, cụ thể:

- Hạn mức vay : 20.000.000 USD
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng. Hợp đồng tự động gia hạn cho các kỳ tiếp theo trừ khi có thông báo khác bằng văn bản của Ngân hàng.
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, mở L/C phục vụ hoạt động kinh doanh
- Lãi suất, Thời hạn vay : Xác định theo từng kế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

27.13 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM

Theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 20726/22MN/HĐTD ngày 20/6/2022, cụ thể:

- Hạn mức vay : 500.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương.
- Thời hạn cấp hạn mức : 36 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng đến ngày 20/6/2025
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất, Thời hạn vay : Xác định theo từng khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản.

27.14 Vay dài hạn Quỹ Bảo vệ môi trường Tỉnh Bình Dương

Các khoản nợ vay Quỹ Bảo vệ Môi trường Tỉnh Bình Dương đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh số V.34) theo các Hợp đồng tín dụng (HĐTD) sau:

	Ngày 01/01/2024	Phân loại Nợ đến hạn	Trả nợ vay trong kỳ	Ngày 30/6/2024
- HĐTD số 11/2019 mua 2 xe ép rác	798.400.000	(400.200.000)	-	398.200.000
- HĐTD số 04/2021 mua 2 xe ép rác	800.400.000	(400.200.000)	400.200.000	800.400.000
- HĐTD số 01/2023 mua 1 xe ép rác	804.000.000	(402.000.000)	402.000.000	804.000.000
Cộng	2.402.800.000	(1.202.400.000)	802.200.000	2.002.600.000

Nợ vay dài hạn đến hạn trả theo các Hợp đồng tín dụng (Tham chiếu V.34.2).

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

28. Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi

	Ngày 01/01/2024	Trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác trong kỳ	Chi trong kỳ	Ngày 30/6/2024
- Quỹ khen thưởng	46.345.210.551	-	63.006.620	(4.800.089.458)	41.608.127.713
- Quỹ phúc lợi	256.026.561	9.572.614.568	-	(10.674.075.000)	(845.433.871)
- Quỹ khen thưởng Ban điều hành	928.571.188	2.201.701.350	-	(397.865.182)	2.732.407.356
Cộng	47.529.808.300	11.774.315.918	63.006.620	(15.872.029.640)	43.495.101.198

29. Quỹ bình ổn giá

Chỉ tiêu	Ngày 01/01/2024	Phát sinh trong kỳ	Sử dụng trong kỳ	Ngày 30/6/2024
- Quỹ bình ổn giá	384.328.214.236	-	-	384.328.214.236
- Lãi quỹ bình ổn giá	5.746.973.864	389.731.979	-	6.136.705.843
Cộng	390.075.188.100	389.731.979	-	390.464.920.079

	Ngày 30/6/2024	Ngày 01/01/2024
30. Phải trả người bán dài hạn	22.024.200.000	22.024.200.000

Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân.

31. Người mua trả tiền trước dài hạn	-	4.500.000.000
---	----------	----------------------

Các khoản nhận trước tiền của khách hàng thuộc hoạt động kinh doanh Bất động sản tại Khu dân cư An Sơn.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

32. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Tiền thuê dài hạn nhận trước đối với hoạt động kinh doanh cho thuê hạ tầng khu công nghiệp và văn phòng làm việc:

	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023
- Số đầu kỳ	243.656.990.867	255.809.235.875
- Doanh thu đã thực hiện trong kỳ	(6.076.122.504)	(6.076.122.504)
- Số cuối kỳ	237.580.868.363	249.733.113.371

33. Phải trả dài hạn khác

Tiền nhận ký quỹ, ký cược dài hạn:

	Ngày 30/6/2024	Ngày 01/01/2024
- Công ty TNHH ScanCom Việt Nam	4.928.833.800	4.928.833.800
- Công ty TNHH Dong-A Vina	3.719.761.290	3.719.761.290
- Công ty CP Dầu nhờn S.T.S	2.303.083.280	2.303.083.280
- Công ty TNHH Nhựa Tai Yuan Bình Dương	2.062.320.120	2.062.320.120
- Công ty CP Dae Kwang Apparel	-	2.440.500.000
- Các đối tượng khác	9.266.571.660	9.092.871.660
Cộng	22.280.570.150	24.547.370.150

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

34. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Ngày 01/01/2024	Vay trong kỳ	Trả nợ vay trong kỳ	Chuyển nợ đến hạn	Ngày 30/6/2024
34.1 Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	26.500.000.000	-	(5.300.000.000)	-	21.200.000.000
34.2 Quỹ Bảo vệ Môi trường Tỉnh Bình Dương	4.124.800.000	-	-	(802.200.000)	3.322.600.000
Cộng	30.624.800.000	-	(5.300.000.000)	(802.200.000)	24.522.600.000

34.1 Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam

Theo Hợp đồng cho vay số 567/2021/HĐCV ngày 05/7/2021 với các điều khoản sau:

- Số tiền vay : 53.000.000.000 Đồng
- Thời hạn vay : 60 tháng tính từ ngày giải ngân đầu tiên
- Mục đích vay : Đầu tư các cửa hàng xăng dầu tại Bình Phước
- Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay
- Dư nợ 30/6/2024 : 21.200.000.000 Đồng

Trong đó

- + Vay dài hạn : 21.200.000.000 Đồng
- + Nợ đến hạn trong : 10.600.000.000 Đồng
vòng 12 tháng

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

34.2 Vay dài hạn Quỹ Bảo vệ môi trường Tỉnh Bình Dương

	Ngày 01/01/2024	Vay trong kỳ	Trả nợ vay trong kỳ	Chuyển nợ đến hạn	Ngày 30/6/2024
- HĐTD số 04/2021 mua 2 xe ép rác	1.598.800.000	-	-	(400.200.000)	1.198.600.000
- HĐTD số 01/2023 mua 1 xe ép rác	2.526.000.000	-	-	(402.000.000)	2.124.000.000
Cộng	4.124.800.000	-	-	(802.200.000)	3.322.600.000

Các khoản Vay dài hạn của Quỹ Bảo vệ môi trường Tỉnh Bình Dương theo các Hợp đồng tín dụng (HĐTD) sau:

❖ Hợp đồng tín dụng số 04/2021/HĐTD ngày 10/12/2021, các điều khoản cụ thể:

- Hạn mức vay : 4.000.000.000 Đồng
- Thời hạn vay : 60 tháng
- Mục đích vay : Đầu tư mua 2 xe chuyên dụng phục vụ công tác thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt
- Lãi suất : Lãi suất 4,2%/năm, trả lãi hàng tháng
- Dư nợ 30/6/2024 : 1.198.600.000 Đồng

Trong đó

- + Vay dài hạn :
- + Nợ đến hạn trong vòng 12 tháng 800.400.000 Đồng

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

❖ **Hợp đồng tín dụng số 01/2023/HĐTD ngày 08/02/2023, các điều khoản cụ thể:**

- Hạn mức vay : 4.000.000.000 Đồng
- Thời hạn vay : 60 tháng
- Mục đích vay : Đầu tư mua 1 xe chuyên dụng phục vụ công tác thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt
- Lãi suất : Lãi suất 4,2%/năm, trả lãi hàng tháng
- Dư nợ 30/6/2024 : 2.124.000.000 Đồng

Trong đó

- + Vay dài hạn :
- + *Nợ đến hạn trong vòng : 12 tháng* 804.000.000 Đồng

Các Hợp đồng tín dụng nêu trên được đảm bảo bằng các Tài sản hình thành từ vốn vay và các Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng (Thuyết minh số V.2) tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

35. Vốn chủ sở hữu (CSH)

A	Từ 01/01/2023	Ngày 01/01/2023	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30/06/2023
	đến 30/6/2023				
35.1	Vốn góp của CSH	2.366.000.000.000	-	-	2.366.000.000.000
35.2	Cổ phiếu quỹ	(243.800.000)	-	-	(243.800.000)
35.3	Chênh lệch đánh giá lại TS	(25.242.423.594)	-	-	(25.242.423.594)
35.4	Quỹ đầu tư phát triển	15.504.298.185	-	-	15.504.298.185
35.5	Lợi nhuận sau thuế CPP	42.289.145.822	29.953.787.133	(354.600.591)	71.888.332.364
35.6	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	224.041.047.203	2.738.860.921	-	226.779.908.124
	Cộng	2.622.348.267.616	32.692.648.054	(354.600.591)	2.654.686.315.079

B	Từ 01/01/2024	Ngày 01/01/2024	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30/06/2024
	đến 30/6/2024				
35.1	Vốn góp của CSH	2.366.000.000.000	-	-	2.366.000.000.000
35.2	Cổ phiếu quỹ	(243.800.000)	-	-	(243.800.000)
35.3	Chênh lệch đánh giá lại TS	(25.242.423.594)	-	-	(25.242.423.594)
35.4	Quỹ đầu tư phát triển	15.757.298.185	14.358.921.851	-	30.116.220.036
35.5	Lợi nhuận sau thuế CPP	146.242.168.212	46.251.397.476	(28.109.342.020)	164.384.223.668
35.6	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	223.993.499.244	6.579.717.000	-	230.573.216.244
	Cộng	2.726.506.742.047	67.190.036.327	(28.109.342.020)	2.765.587.436.354

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

35.1 Vốn góp của chủ sở hữu

- Mệnh giá cổ phiếu	10.000	Đồng/CP
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	236.600.000	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	236.600.000	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	(20.100)	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	236.579.900	Cổ phiếu
- Số lượng CP lưu hành bình quân trong năm	236.579.900	Cổ phiếu

Chi tiết vốn góp của các cổ đông như sau:

Cổ đông	Ngày 01/01/2024 (cổ phiếu)	Ngày 30/6/2024 (cổ phiếu)	Tỷ lệ
- Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Dương	85.176.000	85.176.000	36,00%
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thiết bị Hướng Dương	37.856.000	37.856.000	16,00%
- Các cổ đông khác	113.568.000	113.568.000	48,00%
Cộng	236.600.000	236.600.000	100,00%

35.2 Cổ phiếu quỹ

Tổng Công ty đã mua lại 20.100 cổ phiếu theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 10/2019/NQ-HĐQT ngày 06/5/2019. Thời gian mua lại cổ phiếu quỹ từ ngày 24/6/2019 đến ngày 22/7/2019.

35.3 Chênh lệch đánh giá lại tài sản

Tại khoản 5, Điều 14, Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/11/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất quy định: “Đối với các công ty mẹ được cổ phần hoá từ công ty Nhà nước, khi xác định giá trị doanh nghiệp, công ty mẹ phải đánh giá lại giá trị các khoản đầu tư vào công ty con. Khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ khoản đầu tư của công ty mẹ và phần sở hữu của công ty mẹ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được trình bày vào chỉ tiêu “Chênh lệch đánh giá lại tài sản” của Bảng cân đối kế toán hợp nhất”.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

Tình hình biến động khoản Chênh lệch đánh giá lại tài sản như sau:

Chỉ tiêu	Ngày 01/01/2024	Phát sinh trong kỳ	Ngày 30/6/2024
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương	17.738.905.964	-	17.738.905.964
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	515.380.782	-	515.380.782
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	6.988.136.848	-	6.988.136.848
Cộng	25.242.423.594	-	25.242.423.594

35.4 Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế TNDN.

35.5 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (CPP)

	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023
- Số đầu kỳ	146.242.168.212	42.289.145.822
- Điều chỉnh lợi nhuận CPP kỳ trước	(1.976.104.251)	(354.600.591)
- Phân phối lợi nhuận kỳ trước	(26.133.237.769)	-
+ Trích Quỹ Đầu tư phát triển	(14.358.921.851)	-
+ Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	(9.572.614.568)	-
+ Quỹ Khen thưởng, Thù lao Ban Điều hành	(2.201.701.350)	-
- Lợi nhuận CPP kỳ trước chuyển kỳ này	118.132.826.192	41.934.545.231
- Lợi nhuận sau thuế kỳ này	46.251.397.476	29.953.787.133
- Số cuối kỳ	164.384.223.668	71.888.332.364

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

35.6 Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Tình hình biến động Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong Vốn chủ sở hữu như sau:

Chỉ tiêu	Vốn góp của CSH	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
A Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023				
- Ngày 01/01/2023	225.152.294.800	75.306.394	(1.186.553.991)	224.041.047.203
- Phát sinh trong kỳ	-	-	2.738.860.921	2.738.860.921
- Ngày 30/06/2023	225.152.294.800	75.306.394	1.552.306.930	226.779.908.124
B Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024				
- Ngày 01/01/2024	225.152.294.800	75.306.394	(1.234.101.950)	223.993.499.244
- Phát sinh trong kỳ	-	-	6.579.717.000	6.579.717.000
- Ngày 30/06/2024	225.152.294.800	75.306.394	5.345.615.050	230.573.216.244

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ 01/01/2024 ĐẾN 30/6/2024

	ĐVT: Đồng	
	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023
36. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu bán hàng hóa	9.866.549.492.633	8.854.522.290.162
- Doanh thu bán các thành phẩm	185.594.062.633	873.056.415.044
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	204.203.879.289	183.675.055.518
- Doanh thu kinh doanh, cho thuê BĐS	31.838.303.881	168.735.068.697
- Doanh thu khác	364.030.954	49.545.454
Cộng Doanh thu thuần	10.288.549.769.390	10.080.038.374.875

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

37. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	9.596.897.914.803	8.775.183.286.002
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	178.967.803.148	848.271.030.201
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	145.357.330.387	133.133.384.635
- Giá vốn kinh doanh, cho thuê BĐS	7.449.076.811	21.158.208.862
Cộng	9.928.672.125.149	9.777.745.909.700

38. Doanh thu hoạt động tài chính

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.594.761.831	10.031.709.260
- Lãi chênh lệch tỷ giá	10.351.095.352	41.406.995.495
- Chiết khấu thanh toán	1.526.671.493	-
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	192.113.003	-
Cộng	16.664.641.679	51.438.704.755

39. Chi phí tài chính

- Chi phí lãi vay	93.730.370.485	95.209.649.297
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	32.648.279.751	28.015.916.785
Cộng	126.378.650.236	123.225.566.082

40. Phần lãi hoặc lỗ trong liên doanh, liên kết

- Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	6.054.618.828	5.774.919.031
- Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	984.098.743	1.808.820.545
Cộng	7.038.717.571	7.583.739.576

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

41. Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023
- Chi phí nhân viên bán hàng	35.951.535.259	37.271.179.794
- Chi phí vật liệu, bao bì	941.560.588	1.522.295.415
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	775.135.468	604.917.800
- Chi phí khấu hao TSCĐ	19.974.356.006	18.267.116.284
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.181.797.504	60.645.828.124
- Chi phí bằng tiền khác	52.846.705.905	35.362.871.682
Cộng	155.671.090.730	153.674.209.099

42. Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí nhân viên quản lý	21.679.599.061	19.884.363.565
- Chi phí vật liệu quản lý	456.246.721	564.096.714
- Chi phí đồ dùng văn phòng	218.977.854	213.159.346
- Chi phí khấu hao TSCĐ	3.564.086.897	2.619.891.045
- Thuế, phí và lệ phí	62.017.692	64.913.550
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.883.438.178	5.589.661.442
- Chi phí bằng tiền khác	15.271.597.043	18.557.542.042
Cộng	49.135.963.446	47.493.627.704

43. Thu nhập khác

- Thu từ hoạt động thanh lý TSCĐ, CCDC	6.415.261.043	48.188.182
- Hoa hồng, phí đường bộ được hưởng	383.788.264	296.627.895
- Thu tiền điện, nước khách thuê, Thu nhập khác	2.828.891.352	2.207.363.036
Cộng	9.627.940.659	2.552.179.113

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

44. Chi phí khác

	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023
- Chi phí thanh lý tài sản cố định	755.567.366	159.684.802
- Chi tiền điện, nước khách thuê, Chi phí khác	2.306.485.611	2.002.883.946
Cộng	3.062.052.977	2.162.568.748

45. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	58.961.186.761	37.311.116.986
- Điều chỉnh tăng thu nhập tính thuế	819.120.089	4.773.956.773
- Điều chỉnh giảm thu nhập tính thuế	(7.179.630.336)	(7.724.652.341)
- Chuyển lỗ SXKD của các năm trước	(21.950.315.083)	(11.286.563.600)
- Tổng Thu nhập tính thuế	30.650.361.431	23.073.857.818
- Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
- Thuế TNDN theo thuế suất	6.130.072.285	4.614.771.564
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	3.697.368
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.130.072.285	4.618.468.932

46. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát

- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	755.104.199	643.252.480
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	(117.767.184)	(201.474.401)
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	4.044.571.731	3.324.732.272
- Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics	1.897.808.254	(1.027.649.430)
Cộng	6.579.717.000	2.738.860.921

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

47. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023
- Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho Công ty mẹ	46.251.397.476	29.953.787.133
- Dự kiến phân phối Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	(2.699.888.755)	(1.388.247.323)
- Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	43.551.508.721	28.565.539.810
- Số lượng CP phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	236.579.900	236.579.900
- Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	184	121

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin về các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	Công ty con
- Công ty TNHH Vận tải Thủy Bộ Bình Dương	Công ty con
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	Công ty con
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương	Công ty con
- Công ty TNHH Đăng kiểm xe cơ giới 61-05D	Công ty con
- Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics	Công ty con
- Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	Công ty liên doanh liên kết
- Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	Công ty liên doanh liên kết
- Công ty CP Xăng dầu và Dịch vụ Hàng Hải S.T.S	Công ty có cùng thành viên HĐQT

Giao dịch với các bên liên quan:

- Thu nhập từ tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng:

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng thu nhập từ tiền lương, thù lao	1.879.807.693	1.838.076.924

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

- Các giao dịch giữa Tổng Công ty với các Công ty con, Công ty liên kết và các bên liên quan khác như sau:

❖ *Nợ phải thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

Bên liên quan	Ngày 01/01/2024	Phải thu trong kỳ	Đã thu / giảm trong kỳ	Ngày 30/6/2024
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương [*]	199.987.901.407	2.929.460.058.592	2.855.657.074.326	273.790.885.673
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương [*]	(8.596.568.050)	15.251.493.274	11.495.107.305	(4.840.182.081)
- Công ty CP SX KD Thanh Lễ [*]	9.248.400	58.708.380	60.299.680	7.657.100
- Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics [*]	4.788.705	5.584.127.832	3.123.169.757	2.465.746.780
- Công ty TNHH Đăng kiểm Xe Cơ giới 61-05D [*]	-	661.869.000	661.869.000	-
- Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	-	2.973.000	2.973.000	-
- Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	(7.067.354.554)	117.380.794.570	100.744.433.049	9.569.006.967
- Công ty CP Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S	491.151.977	109.928.498.474	108.894.489.856	1.525.160.595
Cộng	184.829.167.885	3.178.328.523.122	3.080.639.415.973	282.518.275.034

[*] Số dư và giao dịch nội bộ đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

❖ *Nợ phải thu cổ tức, lãi, cho vay và phải thu khác*

Bên liên quan	Ngày 01/01/2024	Phải thu trong kỳ	Đã thu / giảm trong kỳ	Ngày 30/6/2024
Công ty TNHH Vận				
- tài Thủy bộ Bình	9.578.634.947	422.686.480	9.701.321.427	300.000.000
Dương [*]				
Công ty TNHH Xăng				
- dầu Bình Dương [*]	4.800.000.000	326.040.000	4.826.040.000	300.000.000
Công ty TNHH Công				
- trình Đô thị Bình	6.696.629.574	-	6.696.629.574	-
Dương [*]				
Công ty TNHH An				
- Sơn Bình Dương	185.000.000.000	-	-	185.000.000.000
Logistics [*]				
Công ty CP Xăng dầu				
- và Dịch vụ Hàng hải	38.259.000.000	200.279.000.000	184.611.000.000	53.927.000.000
S.T.S				
Công ty CP Nông				
- Lâm nghiệp Bình	8.000.000.000	74.712.330	8.074.712.330	-
Dương				
Công ty CP SX KD				
- Thanh Lễ [*]	-	16.886.560	16.886.560	-
Cộng	252.334.264.521	201.119.325.370	213.926.589.891	239.527.000.000

[*] Số dư và giao dịch nội bộ đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

❖ *Nợ phải trả mua hàng hóa, dịch vụ và phải trả khác*

Bên liên quan	Ngày 01/01/2024	Phải trả trong kỳ	Đã trả/ giảm trong kỳ	Ngày 30/6/2024
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương [*]	4.955.252.456	139.201.221.377	134.886.659.697	9.269.814.136
- Công ty CP SX KD Thanh Lễ [*]	18.644.000	37.326.851	55.970.851	-
- Công ty TNHH Đăng kiểm Xe Cơ giới 61-05D [*]	7.000.000.000	-	-	7.000.000.000
- Công ty CP Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S	-	7.144.000.200	7.144.000.200	-
- Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	258.468.088	1.234.634.906	1.219.073.734	274.029.260
Cộng	12.232.364.544	147.617.183.334	143.305.704.482	16.543.843.396

[*] Số dư và giao dịch nội bộ đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Thông tin về báo cáo bộ phận❖ *Theo khu vực địa lý*

Tổng Công ty không trình bày Bộ phận báo cáo theo khu vực địa lý do không có sự khác biệt lớn về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các khu vực địa lý.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

❖ **Theo lĩnh vực kinh doanh**

Thông tin về Kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024	Hoạt động kinh doanh xăng dầu	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Đầu tư tài chính và hoạt động khác	Tổng cộng
- Doanh thu thuần	10.063.338.108.969	30.361.762.881	194.849.897.540	10.288.549.769.390
- Giá vốn hàng bán	(9.787.853.297.219)	(7.267.203.908)	(133.551.624.022)	(9.928.672.125.149)
- Lợi nhuận gộp	275.484.811.750	23.094.558.973	61.298.273.518	359.877.644.241
- Doanh thu HĐ tài chính	-	-	16.664.641.679	16.664.641.679
- Chi phí tài chính	(92.422.351.566)	(7.946.851.053)	(26.009.447.617)	(126.378.650.236)
- Phần lãi, lỗ trong LDLK	-	-	7.038.717.571	7.038.717.571
- Chi phí bán hàng	(132.578.776.982)	(9.172.353.807)	(13.919.959.941)	(155.671.090.730)
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	(30.386.836.379)	(2.451.833.547)	(16.297.293.520)	(49.135.963.446)
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	20.096.846.823	3.523.520.566	28.774.931.690	52.395.299.079
- Thu nhập khác	-	-	9.627.940.659	9.627.940.659
- Chi phí khác	-	-	(3.062.052.977)	(3.062.052.977)
- Lợi nhuận khác	-	-	6.565.887.682	6.565.887.682
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	20.096.846.823	3.523.520.566	35.340.819.372	58.961.186.761
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	(945.455.338)	-	(5.184.616.947)	(6.130.072.285)
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	19.151.391.485	3.523.520.566	30.156.202.425	52.831.114.476

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Hoạt động kinh doanh xăng dầu	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Đầu tư tài chính và hoạt động khác	Tổng cộng
- Doanh thu thuần	9.722.351.259.522	166.620.509.697	191.066.605.656	10.080.038.374.875
- Giá vốn hàng bán	(9.621.301.563.843)	(20.905.547.844)	(135.538.798.013)	(9.777.745.909.700)
- Lợi nhuận gộp	101.049.695.679	145.714.961.853	55.527.807.643	302.292.465.175
- Doanh thu HĐ tài chính	7.107.014	-	51.431.597.741	51.438.704.755
- Chi phí tài chính	(25.560.619.239)	(40.407.987.755)	(57.256.959.088)	(123.225.566.082)
- Phần lãi, lỗ trong LDLK	-	-	7.583.739.576	7.583.739.576
- Chi phí bán hàng	(69.916.221.521)	(68.408.312.673)	(15.349.674.905)	(153.674.209.099)
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	(13.645.663.158)	(17.107.580.967)	(16.740.383.579)	(47.493.627.704)
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	(8.065.701.225)	19.791.080.458	25.196.127.388	36.921.506.621
- Thu nhập khác	-	-	2.552.179.113	2.552.179.113
- Chi phí khác	-	-	(2.162.568.748)	(2.162.568.748)
- Lợi nhuận khác	-	-	389.610.365	389.610.365
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(8.065.701.225)	19.791.080.458	25.585.737.753	37.311.116.986
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	(811.982.255)	-	(3.806.486.677)	(4.618.468.932)
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	(8.877.683.480)	19.791.080.458	21.779.251.076	32.692.648.054

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

3. Những khoản nợ ngẫu nhiên

Tổng Công ty không có tài sản tiềm tàng và nợ tiềm tàng có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Thông tin tài chính có liên quan đến Báo cáo tài chính

Các văn bản luật ban hành và có hiệu lực trong năm 2024 sau đây:

- Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024 của Chính Phủ quy định thanh toán không dùng tiền mặt, bao gồm: mở và sử dụng tài khoản thanh toán; dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt; dịch vụ trung gian thanh toán; tổ chức, quản lý và giám sát các hệ thống thanh toán. Nghị định này thay thế cho Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt; Nghị định số 80/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt và bãi bỏ Điều 3 của Nghị định số 16/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước. *Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.*
- Nghị định số 72/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ, Quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội. Theo đó, giảm thuế giá trị gia tăng đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% xuống 8%. *Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2024 đến hết ngày 31/12/2024.*
- Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ, Quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động. Nghị định này thay thế Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022 của Chính phủ. *Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2024.*
- Thông tư số 11/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu địa chất, khoáng sản. *Thông tư này có hiệu lực từ ngày 21 tháng 3 năm 2024.*

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

- Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/06/2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm tiếp tục tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. *Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024.*

Thành phố Thủ Dầu Một, ngày 28 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Ngân

Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao

Phạm Thị Băng Trang